TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139A/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tất Linh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hà Kim T** - Sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 25/12/2019)

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn S** - Sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 28/4/2020).

Bà T, ông S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà Kim T trình bày:

Năm 2009, bà và ông Phạm Văn S tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh B vào ngày 24/3/2009. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cự cãi nhau, không có tiếng nói chung. Ông bà đã nhiều lần trao đổi để hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đặt được. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà T và ông S có hai người con chung tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 11/9/2009, đang sống chung với ông S và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 27/01/2012, đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi cháu H, đồng ý để ông S nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do nhà ở xa và bận công việc gia đình không có thời gian đi lại nên ngày 25/12/2019 bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 28/4/2020 ông Phạm Văn S trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng. Về con chung, ông yêu cầu nuôi cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 11/9/2009, đang sống chung với ông và đồng ý để bà T nuôi cháu Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 27/01/2012, hiện đang sống chung với bà T. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung ông S khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc gia đình nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông S. Về con chung, bà T được quyền nuôi cháu Phạm Thị Ngọc H, ông S được quyền nuôi cháu Phạm Thị Kim N. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và ông S vắng mặt nhưng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà T và ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hà Kim T và ông Phạm Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 24/3/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông S sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T xác định là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2019, địa phương cũng xác nhận là cuộc sống hôn nhân của bà T và ông S lúc đầu hạnh phúc, nhưng cách đây khoảng 02 năm thì thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi nhau, ông bà đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay không sống chung nhà ông S nữa. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện sự không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 28/4/2020, ông S cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, hôn nhân của bà T và ông S đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về con chung: Bà T và ông S có hai người con chung tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 11/9/2009, đang sống chung với ông S và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 27/01/2012, đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi cháu H, đồng ý để ông S nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông S cũng đồng ý với yêu cầu của bà T. Tại biên bản hỏi ý kiến ngày 28/02/2020 thì cháu H có nguyện vọng sống chung với bà T và tại biên bản hỏi ý kiến ngày 24/4/2020 thì cháu N có nguyện vọng sống chung với ông S. Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2019, thì địa phương cũng xác định cháu H đang sống chung với bà T và cháu N đang sống chung với ông S, các cháu đều được bà T và ông S chăm sóc tốt và ông bà đều có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, yêu cầu về việc nuôi con chung của bà T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T và ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông S không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông S khai không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hà Kim T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hà Kim T đối với ông Phạm Văn S. Bà Nguyễn Thị Hà Kim T và ông Phạm Văn S không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Bà Nguyễn Thị Hà Kim T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 27/01/2012, đang sống chung với bà T.

- Ông Phạm Văn S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 11/9/2009, đang sống chung với ông S.

- Bà Nguyễn Thị Hà Kim T và ông Phạm Văn S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, các đương sự hoặc các nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, các đương sự có quyền thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T khai bà và ông S không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hà Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006882 ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Thanh